Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

# CHƯƠNG X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN

## BÀI 36. HÌNH HỘP CHỮ NHẬT VÀ HÌNH LẬP PHƯƠNG

**(3 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Mô tả được các yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

***Năng lực riêng:***

- Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,..)

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,đồ dùng dạy học.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn lại kiến thức về hình hộp chữ nhật, hình lập phương đã được làm quen ở Tiểu học, ôn tập lại công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình lập phương; chuẩn bị một miếng bìa, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS được quan sát, giới thiệu về hình lập phương, hình hộp chữ nhật thông qua các mô hình, vật dụng trong thực tế.

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Nội dung:** HS nhớ lại kiến thức cũ, quan sát mô hình, tranh ảnh về các hình lập phương, hình hộp chữ nhật và thực hiện trả lời câu hỏi khởi động.

**c) Sản phẩm:** HS nhận dạng được các đồ vật hình lập phương, các đồ vật dạng hình hộp chữ nhật và trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide các đồ vật dạng hình lập phương, hình hộp chữ nhật và dẫn dắt, đặt vấn đề:

+ “ *Quan sát những đồ vật sau đây (hộp quà, các thùng giấy, khối vuông rubik, con xúc xắc, thùng chứa hàng) và cho biết những đồ vật đó có dạng hình gì?*”



HS quan sát màn chiếu, trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “*Hình hộp chữ nhật, hình lập phương là các hình chúng ta thường gặp trong đời sống thực tế và đã được làm quen ở Tiểu học. Trong bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một số yếu tố cơ bản và những vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích, thể tích của chúng.*.”.

**Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình hộp chữ nhật, hình lập phương**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận dạng và nêu được một số ví dụ về hình hộp chữ nhật, hình lập phương trong thực tế đời sống.

- Quan sát và mô tả được một số yếu tố của hình hộp chữ nhật.

- Vẽ, gấp và cắt thành hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:**

HS thực hiện tìm hiểu các đặc điểm của hình hộp chữ nhậ, hình lập phương thông quan việc thực hiện lần lượt các hoạt động giáo viên yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** HS tự mô tả được các đặc điểm của hình hộp chữ nhật và hình lập phương, làm được các **HĐ1**, **HĐ2**, **HĐ3**, **Thực hành**, **Vận dụng 1** và các bài tập liên quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát Hình a), b), c), yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, thực hiện trả lời lần lượt các câu hỏi ***HĐ1, HĐ2, HĐ3.***  - GV dẫn dắt HS chốt kiến thức trọng tâm như **Nhận xét** – SGK:  *Hình hộp chữ nhật có* ***6 mặt*** *là các hình chữ nhật,* ***8 đỉnh****,* ***12 cạnh****,* ***4 đường chéo****, các cạnh bên sonh song và bằng nhau.*  *Hình lập phương là hình hộp chữ nhật có* ***6 mặt*** *là các hình vuông.*  GV mời một vài HS phát biểu lại các đặc điểm của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  - GV đặt câu hỏi thêm:  *“ Theo em, hình lập phương có là hình hộp chữ nhật không?”*  HS thảo luận cặp đôi, GV gợi ý, dẫn dắt để một số HS khá trả lời được: Có thể coi hình lập phương là hình hộp chữ nhật đặc biệt (vì hình vuông cũng là hình chữ nhật đặc biệt).  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS thực hành theo nhóm 4 cắt, ghép tấm bìa sử dụng bìa cứng, cắt và gấp một chiếc hộp có dạng hình hộp chữ nhật với kích thước như hình 10.3 theo các bước hướng dẫn như SGK và cắt, gấp hình lập phương có cạnh 4 cm hoàn thành bài Vận dụng 1 theo sự phân công sau:    + Tổ 1 + Tổ 3: cắt ghép hình hình chữ nhật, hoàn thành bài **Thực hành**.  + Tổ 2 + Tổ 4: cắt ghép hình lập phương, hoàn thành bài **Vận dụng 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hs giơ tay trình bày câu trả lởi.  - **Thực hành**: GV cho các nhóm trưng bày sản phẩm, mời đại diện các nhóm trình bày.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS mô tả lại các đặc điểm của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. | **1. Hình hộp chữ nhật, hình lập phương**   * ***Một số yếu tố cơ bản của hình hộp chữ nhật, hình lập phương***   ***HĐ1:***    + Hình a có dạng kiến trúc hình hộp chữ nhật.  + Hình b có dạng kiến trúc hình lập phương.  *\* Một số hình ảnh có dạng hình hộp, hình chữ nhật*  Tích vào các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật.​ - Hoc24 Xếp hình lập phương sơ sinh  13 loại đồ chơi giải đố siêu "hại não" mà bạn nên thử H2 Rubik Shop  **HĐ2:**    1. Hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' có:  + 8 đỉnh : A, B, C, D,  A', B, C', D'.  + 12 cạnh : AB, AD, DC, BC, A'B', A'D', D'C', B'C', BB', CC', AA', DD'.  + 4 đường chéo :AC', A'C, BD', B'D.  2. Các mặt bên của hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' là: ABB'A', ADD'A', BCC'B', CDD'C'.  Các mặt đáy của hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' là : ABCD, A'B'C'D'.    + 8 đỉnh : A, B, C, D, M, N, Q, P.  + 12 cạnh : AB, AD, BC, CD, MN, MQ, QP, PN, AM, BN, CP, DQ.  + 4 đường chéo: ND, QB, MC, PA.  + 4 mặt bên : AMNB, MQDA, PQDC, NPCB.  + 2 mặt đáy: ABCD, MNPQ.  **Thực hành:**    Bước 1: Vẽ hình khai triển của hình hộp chữ nhật theo kích thước đã cho như Hình 10.4.    Bước 2: Cắt theo viền  Bước 3: Gấp theo đường màu cam để được hình hộp chữ nhật. |

**Hoạt động 2: Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu và ghi nhớ được công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật và hình lập phương, bước đầu hiểu thêm việc áp dụng công thức vào tình huống mới (diện tích xung quanh và diện tích 1 mặt đáy).

- HS hiểu và áp dụng công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật vào bài toán thực tế..

- HS hiểu và áp dụng công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương vào

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK, tìm hiểu diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương thông qua việc thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS mô tả và ghi nhớ được các công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương và trả lời các câu hỏi **HĐ4**, **HĐ5**, hoàn thành được các bài *Ví dụ 1*, *Ví dụ 2,* **Luyện tập 1, Luyện tập 2, Luyện tập 3, Vận dụng 2** và các bài tập liên quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS hoạt động nhóm 4, quan sát và hoàn thành **HĐ4**, **HĐ5.**  + HS chỉ ra sự tương ứng của hình chữ nhật ở hình khai triển với các mặt bên, mặt đáy của hình hộp chữ nhật.  + HS so sánh 2 kết quả tính toán: tổng các mặt bên với tích của chu vi đáy với chiều cao của hình hộp chữ nhật.  GV dẫn dắt giới thiệu công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  + HS trao đổi cặp đôi phát biểu cho nhau nghe công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật và công thức tính diện tích xung quanh của hình lập phương.  - GV lưu ý HS phần **Chú ý** - SGK - tr88.  + GV nhấn mạnh, chúng ta cần phải đưa các kích thước về cùng đơn vị trước khi tính diện tích, thể tích của một hình.  - GV cho HS tìm hiểu đề bài và cách giải như *Ví dụ 1.*  - GV cho HS thực hiện cá nhân hoặc nhóm đôi áp dụng kiến thức hoàn thành bài **Luyện tập 1**.  - GV giao thêm BT và cho HS hoàn thành vào bảng nhóm theo nhóm:  *Cho hình hộp chữ nhật có kích thước như hình vẽ:*    *Biết diện tích mặt đáy ABCD là 570 cm2. Tính diện tích mặt bên DAEH.*  - GV cho HS đọc hiểu nội dung phần **“*Thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương”.***  + GV giảng giải, sau đó giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu bài học và trình bày lại trên bảng.  GV giới thiệu công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật và thể tích hình lập phương như SGK - tr89.  - GV cho HS đọc đề và tìm hiểu cách giải mẫu *Ví dụ 2,* sau đó tự trình bày lại vào vở cá nhân.  - GV cho HS áp dụng công thức tính diện tích xung quanh để tìm cạnh của hình lập phương và tính thể tích của hình lập phương hoàn thành **Luyện tập 2**.  - GV cho HS áp dụng công thức vào tính thể tích vật thể trong thực tế hoàn thành **Vận dụng 2**, sau đó tổ chức các HS trao đổi chéo đáp án.  - GV giao thêm bài toán tính thể tích để củng cố và mở rộng công thức vừa tiếp nhận:  *Một chiếc bánh kem có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 30 cm, chiều rộng 20 cm và chiều cao 15 cm. Người ta cắt đi một miếng bánh có dạng hình lập phương cạnh 5 cm. Tính thể tích phần còn lại của chiếc bánh kem.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động nhóm đôi: theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - HĐ cá nhân: HS hoàn thành theo yêu cầu và dẫn dắt của GV.  - GV: giảng, dẫn dắt gợi ý, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời trình bày miệng/ trình bày bảng  - Lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại các công thức về hình hộp chữ nhật, hình lập phương. | **2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương**   * ***Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương***   **HĐ4**    + Sự tương ứng: BB'C'C - (2), A'D'DA - (4), A'B'BA - (1), C'D'DC - (3), A'D'C'B' - (5), ABCD - (6).  + Mặt bên : (1), (2), (3), (4)  + Mặt đáy: (5), (6).  **HĐ5**    Diện tích hình chữ nhật (1) là: bc  Diện tích hình chữ nhật (3) cũng là: bc  Diện tích hình chữ nhật (4) là:  ac  Diện tích hình chữ nhật (2) cũng là: ac  Tổng diện tích hình chữ nhật (1), (2), (3), (4) là:  2ac + 2bc = 2c.( a+ b).  Chu vi mặt đáy hình hộp chữ nhật là:  2( a+ b)  Độ dài chiều cao của hình hộp chữ nhật là c  Tích của chu vi đáy và chiều cao của hình hộp chữ nhật là: 2 c(a + b)   Tổng diện tích hình chữ nhật (1), (2), (3), (4) là tích của chu vi đáy và chiều cao của hình hộp chữ nhật:  2 c(a + b)  ***\* Kết luận:***    *- Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật:*  **Sxq = 2.(a+b).c**    *- Diện tích xung quanh của hình lập phương:*  **Sxq = 4a2**  **\* Chú ý:**  Khi tính diện tích, thể tích của một hình, các kích thước của nó phải cùng đơn vị độ dài.  *Ví dụ 1: SGK – tr88*  **Luyện tập 1:**    Diện tích xung quanh thành bể là :  S = 2.(3 + 2).1,5 = 15 (m2)  Chi phí bác Tú phải trả là :  15. 20000 = 300000 (đồng).  ***BT thêm 1:***  Vì hình đã cho là hình hộp chữ nhật nên ta có:  AB = DC = EF = HG = 38m;  AE = CG = DH = BF = 26cm;  AD = BC = HE = GF.  Độ dài cạnh AD là:  570: 38 = 15 (cm)  Diện tích mặt bên DAEH là:  26 × 15 = 390 (cm2)  Đáp số: 390cm2.   * ***Thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương:***     Ta thấy có 4 lớp hình lập phương, mỗi lớp có 2.5 hình lập phương. Mỗi hình lập phương nhỏ cạnh 1 dm có thể tích là 1 dm3 nên thể tích của hình hộp chữ nhật là: 2. 5. 4 = 40 (dm3).  Công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương:    ***Thể tích hình hộp chữ nhật:*** **V = abc**    ***Thể tích của hình lập phương:*** **V = a3**  *Ví dụ 2: SGK – tr 89*  **Luyện tập 2:**  Diện tích xung quanh hình lập phương là:  S= 4a2  100 = 4a2   a2= 100: 4 = 25  a = 5 (cm)  Thể tích hình lập phương đó là:  V = a3= 53= 125 (m3).  **Vận dụng 2:**    Thể tích của thùng giữ nhiệt là  50.30.30 = 45000 ( cm3).  ***BT thêm 2:***  Thể tích chiếc bánh kem là:  30.20.15 = 9000 (cm3)  Thể tích phần bánh cắt đi là:  53 =125 (cm3)  Thể tích phần còn lại của chiếc bánh kem là:  9000 – 125 = 8 875 (cm3) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về nhận dạng, mô tả các đặc điểm, cắt, vẽ khai triển hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức đã học trong bài hoàn thành các bài toán áp dụng theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được các bài tập **10.1; 10.2; 10.3** (SGK- tr 90).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

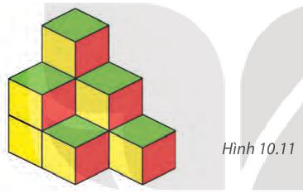
- GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân, trao đổi cặp đôi hoặc theo nhóm các bài tập: **BT1; BT2; BT3** (SGK – tr90).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, có thể thảo luận nhóm đôi, thảo luận nhóm 4 hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện 12-2 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài vào vở, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

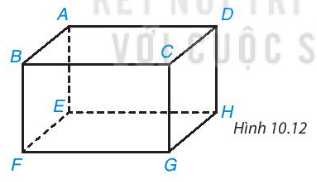
**Kết quả:**

**Bài 10.1:**



Có tất cả 9 hình lập phương nhỏ.

**Bài 10.2:**



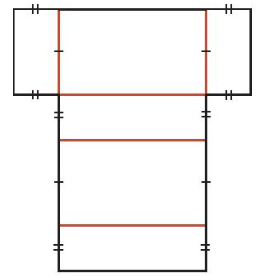
+ 8 đỉnh : A, B, C, D, E, F, G, H.

+ 12 cạnh : AB, AD, DC, BC, EF, EH, FG, GH, AE, BF, CG, DH

+ 4 đường chéo : AG, CE, BH, DF

+ 8 mặt: ABFE, DCGH, BCGF, ADHE, ABCD, EFGH.

**Bài 10.3.** HS thực hành theo nhóm 2-4



**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố kiến thức tính diện tích xung quanh, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật thông qua bài toán thực tế.

- HS thấy sự gần gũi toán học tích hợp nhiều kiến thức trong cuộc sống, vận dụng kiến thức vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học.

**b) Nội dung:** HS thực hiện vận dụng kiến thức hoàn thành các bài toán thực tế.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được các bài tập **10.4 + 10.5 + 10.6** (SGK-tr91).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng sau: **10. 4 + 10.5 + 10.6** (SGK-tr91).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời HS lên bảng trình bày BT. Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.

**Kết quả:**

**Bài 10.4**



Thể tích của lòng thùng hàng là :

5,6.2.2 = 22,4 (m3)

**Bài 10.5**

a)



Dung tích của hộp sữa là 1 lít, nên thể tích của hộp sữa cũng là 1 lít

Đổi : 1 lít = 1000cm3

a) Chiều rộng của hộp sữa là:

1000: (20 x 10) = 1000 : 200= 5 (cm)

b) Diện tích vật liệu dùng để làm vỏ hộp sữa là diện tích xung quanh và diện tích của hai mặt đáy của hình hộp.

Diện tích xung quanh của hộp sữa là:

2.20.( 10 + 5 ) + 2. = 600 (cm2)

Diện tích của hai mặt đáy là:

2.10.5 = 100 (cm2)

Vậy diện tích vật liệu cần dùng là: 600 + 100 = 700 (cm2).

**Bài 10.6**

a) Thể tích nước đổ vào:

120 x 20 = 2400 (l) = 2,4 (m3)

Chiều rộng của bể nước:

2,4 : (2 x 0,8) = 1,5 (m)

b) Thể tích của bể nước:

2400 + (60 x 20) = 3600 (l) = 3,6 (m3)

Chiều cao của bể nước:

3,6 : (2 x 1,5) = 1,2 (m)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực trong quá trình học.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi thực hiện tính diện tích xung quanh, thể tích các hình khối lập phương, hình hộp chữ nhật và áp dụng để HS thực hiện bài tập và tính toán chính xác nhất.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài.
* Hoàn thành các bài tập trong SBT
* Chuẩn bị bài “**Luyện tập**”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI: LUYỆN TẬP TRANG 92 (2 TIẾT )

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Củng cố và rèn luyện các kĩ năng:

- Gọi tên các đỉnh, cạnh, đường chéo của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương để giải một số bài toán thực tế.

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

- Rèn luyện kĩ năng vận dụng các định lí giải quyết các bài toán cụ thể

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, các slide tóm tắt kiến thức về các đặc điểm của hình hộp chữ nhật, hình lập phương; công thức tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại các kiến thức đã học về các yếu tố của hình hộp chữ nhật, hình lập phương và công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được các câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

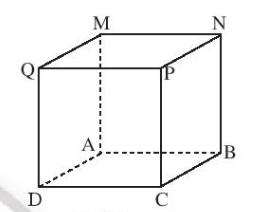
**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu, đặt câu hỏi kiểm tra bài cũ:

**Câu 1.** Em hãy nêu các yếu tố của hình hộp chữ nhật ABCD. A’B’C’D’



**Câu 2.** Em hãy nêu các yếu tố của hình lập phương ABCD.MNPQ



**Câu 3.** Em hãy nêu công thức tính diện tích xung quanh và công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật?

GV hỏi thêm: “*Muốn tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật, ta làm thế nào*?”

**Câu 4.**  Công thức tính diện tích xung quanh và công thức tính thể tích của hình lập phương?

GV hỏi thêm: “*Muốn tính diện tích toàn phần của hình lập phương, ta làm thế nào*?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức cũ, thực hiện trả lời hoàn thành câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Câu 1.** Hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' có:



- 8 đỉnh : A, B, C, D,  A', B, C', D'.

- 12 cạnh : AB, AD, DC, BC, A'B', A'D', D'C', B'C', BB', CC', AA', DD'.

- 4 đường chéo :AC', A'C, BD', B'D.

- 6 mặt:

+ Các mặt bên của hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' là: ABB'A', ADD'A', BCC'B', CDD'C'.

+ Các mặt đáy của hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' là : ABCD, A'B'C'D'.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức, dẫn dắt HS vào bài.

**Bài: Luyện tập chung.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động: Phân tích các ví dụ (Ví dụ 1, Ví dụ 2, Ví dụ 3)**

**a) Mục tiêu:**

- HS ôn lại các kiến thức đã học về các yếu tố của hình lập phương, hình hộp chữ nhật.

- HS nhớ lại các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:**

HS đọc hiểu SGK để tìm hiểu nội dung và hoàn thành các yêu cầu của GV để giải *Ví dụ 1* + *Ví dụ 2* + *Ví dụ 3*.

**c) Sản phẩm:** HS biết cách giải và trình các dạng toán áp dụng các kiến thức đã học, hoàn thành các ví dụ: **Ví dụ 1**, **Ví dụ 2**, **Ví dụ 3.**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu các dạng toán cần nắm được:  *Dạng 1: Xác định các yếu tố của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  *Dạng 2: Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  *Dạng 3: Tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  - GV yêu cầu HS đọc *Ví dụ 1*(SGK) và xác định các đỉnh, cạnh và đường chéo của hình lập phương MNPQ. EFGH trong hình 10.16:    - GV yêu cầu HS đọc hiểu và trình bày lại *Ví dụ 2* (SGK)  + GV yêu cầu HS nêu lại công thức tính thể tích và trình bày cách tính thể tích của thùng.  1 HS trình bày, các HS khác trình bày vào vở.  *-* GV yêu cầu HS quan sát hình, đọc hiểu và trình bày *Ví dụ 3.*    + GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2-4, sau đó đại diện một bạn trình bày ý kiến.  + GV đặt câu hỏi: *Người ta bọc vải những mặt nào của chiếc hộp đựng đồ?*  *Tính diện tích vải dùng để làm chiếc hộp là tính diện tích của mấy mặt?*  *Chúng ta sử dụng các công thức nào để tính?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS chú ý nghe, đọc bài, suy nghĩ câu trả lời, thảo luận với các bạn, hoàn thành vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS xung phong trả lời câu hỏi, trình bày bài tập.  - Các HS chú ý lắng nghe.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về câu trả lời của HS, chốt lại các dạng bài và phương pháp giải cần nhớ. | **\* Các dạng toán:**  *Dạng 1: Xác định các yếu tố của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  *Dạng 2: Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  *Dạng 3: Tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.*  **Ví dụ 1 (SGK – tr92)**  **Ví dụ 2 (SGK – tr92)**  **Ví dụ 3 (SGK – tr92)** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức

- Gọi tên các đỉnh, cạnh, đường chéo của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương để giải một số bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức về hình hộp chữ nhật, hình lập phương đã học tích cực trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập vào vở.

**c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được các bài tập về các dạng bài GV nêu ở trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS luyện tập, củng cố nhanh lại kiến thức thông qua trò chơi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm “Hình hộp chữ nhật có 6 mặt, 8 đỉnh và ….cạnh”:

A. 6 B. 8 C. 12 D. 20

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây là sai:

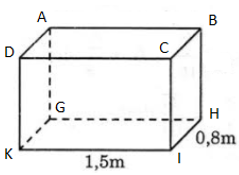
A. Hình lập phương là hình gồm 6 mặt, 8 cạnh và 12 đỉnh

B. Hình lập phương là hình gồm 6 mặt, 12 cạnh và 8 đỉnh

C. Hình lập phương có 6 mặt là các hình vuông bằng nhau

D. Hình lập phương và hình chữ nhật đều có 6 mặt.

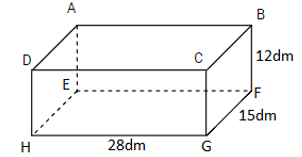
**Câu 3.** Cho hình hộp chữ nhật như hình vẽ:



Diện tích mặt đáy ABCD là:

A. 1,2*m2* B. 1,3*m2* C. 2,4*m2* D. 2,6*m2*

**Câu 4.** Cho hình hộp chữ nhật có kích thước như hình vẽ:



Tổng diện tích của mặt bên ADHE và mặt đáy ABCD là:

A. 140dm2

B. 516dm2

C. 600dm2

D. 5040dm2

**Câu 5.** Lan có một tấm bìa có kích thước như hình vẽ:



Lan có thể gấp tấm bìa thành một hình lập phương. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

- GV áp dụng tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi kể tên cho nhau nghe các đỉnh, cạnh, đường chéo của hình lập phương bài **BT10.7**(SGK – tr93), sau đó tự trình bày lại vào vở**.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV hướng dẫn, quan sát, hỗ trợ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Với các bài tập GV mời một bạn trong nhóm trình bày, giải thích cách làm.

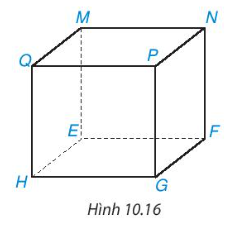
- Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng.

**Kết quả:**

***Đáp án trắc nghiệm:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** |
| C | A | A | C | B |

**Bài 10.7:**



+ 8 đỉnh :M, Q, P, N, H, E, F, G.

+ 12 cạnh : MQ, MN, QP, PN, HE, EF, FG, GH, QH, ME, NF, PG.

+ 4 đường chéo : MG, EP, QF, HN

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải để HS thực hiện bài tập và mô tả, tính toán chính xác nhất.

- GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của các nhóm học sinh, ghi nhận và tuyên dương.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh áp dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học, nhớ lại các công thức tính diện tích xunh quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương để thực hiện bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm:** HS giải được bài tập áp dụng các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương giải được các bài tập GV yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành bài tập **Bài 10.8 + 10.9 +10.10** (SGK – tr93)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hợp tác thảo luận đưa ra ý tưởng và cách giải, sau đó tự trình bày vở cá nhân.

- GV giảng, phân tích điều hành, quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Bài tập: đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, đưa ý kiến

**Bài 10.8:**



a) Thể tích của hộp là:

30.40.50 = 60 000( cm3 )

b) Diện tích vải phủ bề mặt ngoài của chiếc hộp là :

2.30.( 40 + 50) + 2.40.50 = 9400 (cm2)

**Bài 10.9.**

Thể tích của một viên đá nhỏ là :

23= 8 (cm2)

Tổng thể tích của toàn bộ viên đá đựng trong khay là :

8.18 = 144 (cm3).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài sau “**Bài 37** – **Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác”.**

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI 37. HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TAM GIÁC

## VÀ HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TỨ GIÁC

**(2 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật).

- Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

***Năng lực riêng:***

- Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,..).

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,thước thẳng có chia khoảng.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước, compa, ê ke, giấy...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, chuẩn bị một miếng bìa, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS được quan sát, giới thiệu về hình ảnh thực tế của hình lăng trụ đứng tam giác: lịch để bàn, lăng kính và có nhận diện ban đầu về hình lăng trụ đứng.

- HS thấy được sự cần thiết của bài học, tạo động lực cho HS tìm hiểu bài học.

**b) Nội dung:** HS đọc tình huống mở đầu, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu theo kinh nghiệm bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

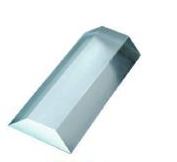
**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide hình ảnh thực tế của và dẫn dắt, giới thiệu và đặt vấn đề qua bài toán mở đầu:

+ “Trong thực tế, có nhiều vật dụng có hình dạng là hình lăng trụ đứng tam giác. Ví dụ lịch để bàn, chiếc chặn giấy có dạng hình lăng trụ đứng tam giác; bể cá, thanh sắt có dạng hình lăng trụ đứng tứ giác. Em hãy quan sát các hình và cho biết các mặt bên của chúng là các hình gì?”

*Quan sát lăng kính, hộp đèn và hộp quà ở hình bên dưới. Cho biết các mặt bên của chúng là các hình gì?*”



HS quan sát màn chiếu, trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi mở đầu.

+ GV đặt câu hỏi thêm: “ *Các mặt đáy của chúng có dạng hình gì*?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và trao đổi thảo luận trong 2 phút và trả lời câu hỏi mở đầu .

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Từ kết quả của HS, GV dẫn dắt giới thiệu sơ qua về nhận diện hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác kết nối HS vào bài học mới: “Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác là gì? Chúng có đặc điểm như thế nào? Cách tạo lập hình lăng trụ đứng tứ giác, hình lăng trụ đứng tam giác? Cách tính diện tích xung quanh, thể tích của các hình đó? Để hiểu rõ, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay”.

**Bài 37: Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác**

**a) Mục tiêu:**

- HS quan sát và nhận biết, nêu được các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- HS vẽ được hình khai triển, cắt và gấp thành hình lăng trụ đứng tứ giác.

**b) Nội dung:**

HS tìm hiểu nội dung kiến thức về các đặc điểm hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác theo dẫn dắt, yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ được các đặc điểm về hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác; trả lời được các câu **HĐ1**, **HĐ2**, *Ví dụ 1*, **Thực hành**.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi thực hiện trả lời câu hỏi, hoàn thành **HĐ1, HĐ2.**  + GV cho HS quan sát các hình thực tế trong SGK và mô hình vẽ kèm theo để HS đưa ra những nhận xét.  + HS quan sát và có những nhận xét ban dầu về hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.  + HS quan sát và gọi tên các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.  Trên cơ sở câu trả lời và nhận xét của HS, GV giới thiệu tên gọi các hình.  + GV cho HS quan sát hình 10.19 để nắm được các yếu tố cơ bản của hình lăng trụ đứng tứ giác Từ đó mời một vài HS đọc tên các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác (H10.20).  - GV nhận xét và cho HS rút ra kết luận như SGK.  - GV yêu cầu HS quan sát hình 10.19 và 10.20 mô tả, thảo luận nhóm, nói cho nhau nghe các yếu tố cơ bản về *đỉnh*, *mặt bên*, *cạnh bên,* *mặt bên*, *mặt đáy*, *chiều cao* các mặt của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.  - GV đặt thêm câu hỏi:  *‘Theo em, hình hộp chữ nhật, hình lập phương có là hình lăng trụ đứng tứ giác không? Vì sao?”.*  - GV yêu cầu HS áp dụng kiến thức tự đọc hiểu và thực hiện *Ví dụ 1* vào vở và thảo luận cặp đôi nói cho nhau nghe câu trả lời của mình, kiểm tra chéo đáp án.  - GV tổ chức cho HS thực hành theo cá nhân để HS vẽ, cắt và gấp một miếng bìa thành hình lăng trụ đứng tam giác từ hình khái triển theo hướng dẫn các bước (SGK - tr95).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý theo dõi SGK, nghe, tiếp nhận kiến thức và hoàn thành theo yêu cầu, dẫn dắt của GV.  - HS hoạt động cặp đôi/ nhóm: theo dõi nội dug SGK thảo luận, trao đổi thực hiện các hoạt động theo dẫn dắt của GV.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt, trinh bày và hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diệ HS giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ/ trình bày bảng.  - Các HS khác hoàn thành vở, chú ý nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình tiếp nhận và hoạt động của học sinh và gọi 1-2 HS nhắc lại khái niệm hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác và mô tả các yếu tố chính của hai hình đó. | **1. Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác**   * **Một số yếu tố cơ bản của hình lăng trụ đứng tam giác, tứ giác.**   **HĐ1:**    Một vài đặc điểm chung:  + Có các mặt đáy là hình tam giác, hoặc tứ giác.  + Có các cạnh bên song song với nhau  **HĐ2:**    Yếu tố tương tự:  + Mặt bên: đều là hình chữ nhật.  + Cạnh bên: song song với nhau.  + Mặt đáy: 2 mặt đáy song song  **Thực hành:**  Cắt và gấp miếng bìa hình lăng trụ đứng tam giác:  *Bước 1: Vẽ hình khai triển theo mẫu và cắt theo viền*    *Bước 2: Gấp theo nét màu cam. Ta được hình lăng trụ* |

**Hoạt động 2: Diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu và ghi nhớ công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng và biết cách áp dụng công thức vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát SGK, nghe giảng và thực hiện lần lượt các hoạt động, tiếp nhận kiến thức về tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ được công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng và trả lời được các câu hỏi **HĐ3**, **HĐ4**, *Ví dụ 2*, **Luyện tập 1**, **Vận dụng**.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát và hoạt động nhóm 4 thực hiện **HĐ3, HĐ4.**  + GV yêu cầu HS thực hiện và so sánh.  GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả, sau đó dẫn dắt giới thiệu công thức tổng quát tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng:  *Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng bằng chu vi đáy nhân với chiều cao.*  - GV chú ý thêm cho HS về công thức tính diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng:  *Diện tích toàn phần của lăng trụ đứng bằng tổng diện tích xung quanh và diện tích hai đáy.*  - GV cho HS tìm hiểu đề bài và cách giải như *Ví dụ 2* rồi trình bày lại.  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành **Luyện tập 1** vào vở cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo đáp án:  + GV yêu cầu HS phát biểu chỉ ra mặt bên, mặt đáy của hình lăng trụ trong Hình 10.26.  + GV cho HS áp dụng công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.  - GV yêu cầu hoạt động nhóm thực hiện giải bài tập **Vận dụng**  - GV giao bài tập dẫn dắt HS tìm hiểu nội dung “***Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác***” và yêu cầu HS hoàn thành:  *Cho hình hộp chữ nhật với kích thước như Hình a. Hình hộp này được cắt đi một nửa để có hình lăng trụ đứng như Hình b.*    a) Tính thể tích của hình hộp chữ nhật.  b) Dự đoán thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác dựa vào thể tích hình hộp chữ nhật ở câu a.  c) Gọi Sđáy là diện tích mặt đáy và h là chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác. Hãy tính Sđáy.h  d) So sánh Sđáy.h và kết quả dự đoán ở câu b.  - GV dẫn dắt, giảng giải để cho HS tiếp nhận công thức tính thể tích lăng trụ đứng tứ giác.  *Thể tích của hình lăng trụ đứng bằng diện tích đáy nhân với chiều cao.*  - GV lưu ý cho HS:  *+ Trong* ***BTT*** *trên, đối với trường hợp đáy là một tam giác không vuông, ta có thể chọn đỉnh có góc lớn nhất rồi vẽ đường cao của tam giác ở đáy.*  *+ Khi đó tam giác ở đáy được chia thành hai tam giác vuông và thể tích của hình lăng trụ đứng bằng tổng thể tích của hai hình lăng trụ thành phần có đáy là tam giác vuông.*  *+ Công thức thể tích vẫn là V = S.h. Đối với đáy là một đa giác bất kì cũng có thể dùng cách thực hiện tương tự.*  GV gọi 1-2 HS phát biểu lại công thức và giải thích các đại lượng có trong công thức.  - GV cho HS tìm hiểu đề bài và cách giải như *Ví dụ 3* rồi trình bày lại.  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi áp dụng công thức hoàn thành **Luyện tập 2** vào vở cá nhân.  + GV hướng dẫn HS dùng công thức tính thể tích và chú ý tứ giác đáy là hình thang vuông.  - GV cho HS tìm hiểu bài và tự hoàn thành **Thử thách nhỏ** vào vở, sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các hoạt động, giải các bài tập theo yêu cầu của GV để tiếp nhận công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HĐ nhóm: Đại diện HS trình bày bài làm của nhóm mình.  - HĐ cá nhân/cặp đôi: HS hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng/ trình bày bảng.  - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá quá trình tiếp nhận kiến thức của HS, nhắc nhở HS hoàn thành vở đầy đủ, mời 1 -2 HS phát biểu lại công thức tính diện tích xung quanh,diện tính toàn phần của hình lăng trụ đứng và thể tích của hình lăng trụ đứng. | **2. Sự đồng quy của ba đường cao trong tam giác**   * **Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác:**   **HĐ3**    Mặt bên ABB'A' tương ứng với hình chữ nhật (3)  Mặt bên BCC'B', ACC'A' lần lượt tương ứng với hình chứ nhật (1), (2).  **HĐ4**  Tổng diện tích các hình chữ nhật (1), (2), (3) = h.( a + b + c )  Chu vi đáy của hình lăng trụ = a + b +c  Tích của chu vi đáy với chiều cao của hình lăng trụ đứng = h.( a + b +c )  Tổng diện tích các hình chữ nhật (1), (2), (3)  =  tích của chu vi đáy với chiều cao của hình lăng trụ đứng  *Ví dụ 2: SGK-tr96*  **Luyện tập 1:**    Diện tích vải để làm hai mái và trải đáy của lều chính là diện tích xung quanh hình lăng trụ:  (2 + 2 + 2). 5 = 30 (m2)  **Vận dụng:**    Chu vi mặt đáy của hình lăng trụ là:  3.15 + 30 = 75 (cm)  Diện tích xung quanh khúc gỗ là :  75 .60 = 4500 (cm2 )  Đổi 4500 cm2=0,45 m2  Vậy khi sơn xung quanh, tổng chi phí là :  0,45 x 20,000 = 9000 ( đồng).   * **Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác**   ***BTT:***  a) Thể tích của hình hộp chữ nhật là: V = 4.3.6 = 72 (cm3)  b) Vì hình hộp cắt đi một nửa thì được hình lăng trụ đứng nên dự đoán thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác bằng một nửa thể tích hình hộp chữ nhật ở câu a.  c) Sđáy = 4.3:2 = 6 (cm2)  Sđáy. h = 6.6 = 36 (cm3)  d) Sđáy. h = 36 = . 72 = .Vhình hộp  Vậy Sđáy. h và kết quả dự đoán ở câu b là như nhau.    ***Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác:***  **V = Sđáy . h**  Trong dó:  **+ V:** Thể tích của hình lăng trụ đứng,  **+ Sđáy:** Diện tích một đáy của hình lăng trụ đứng.  **+ h:** Chiều cao của hình lăng trụ đứng.  *Ví dụ 3: SGK - tr98*  **Luyện tập 2:**    Diện tích một đáy của hình lăng trụ là :  =  525 (cm2 )  Thể tích của khay là :  525.20 = 10 500 ( cm3)  **Thử thách nhỏ:**    Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là:  V1 = = 70 (m3)  Thể tích hình hộp chữ nhật là:  V2 = 10 . 25 . 2 = 500 (m3)  Thể tích của bể bơi là:  V = V1 + V2 = 70 + 500 = 570 (m3) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** H

ọc sinh củng cố lại kiến thức về các đặc điểm hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- HS củng cố và rèn luyện kĩ năng áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giảc để giải một số bài toán.

**b) Nội dung:** HS thực hiện làm các bài tập theo sự phân công của GV.

**c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được các bài tập được giao về hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cần ghi nhớ cho HS: Khái niệm hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác? Mô tả các yếu tố chính của lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

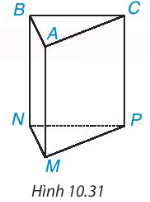
- GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân **BT10.11; BT10.12; BT10.13**(SGK – tr98,99), sau đó hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV tự hoàn thành các bài tập vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện 1-2 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 10.11:**



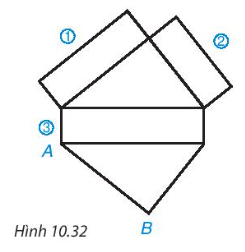
+ 2 mặt đáy: ABC, MNP

+ 3 mặt bên: ACPM, BAMN, BCPN

+ Cạnh đáy: NM, MP, NP, AB, BC, CA

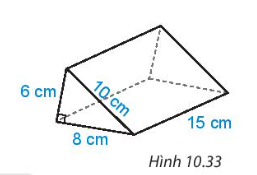
+ Cạnh bên: AM, BN, CP

**Bài 10.12.**



Cạnh số (1) ghép với cạnh AB để có hình lăng trụ đứng.

**Bài 10.13**



Diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng là :

(6 + 10 + 8) .15 = 360 (m2 )

Diện tích một đáy của hình lăng trụ là :

.6.8 = 24  (m2 )

Thể tích của hình lăng trụ đứng là

24.15 = 360 ( m3)

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững và ghi nhớ kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng kiến thức vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập Bài **10.14 + 10.15 + 10.16 – SGK – tr99.**

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết bài toán thực tế tính diện tích xung qunh, thể tích của hình lăng trụ đứng, hoàn thành các bài **10.14 + 10.15 + 10.16** (SGK – tr99).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 hoàn thành bài tập **10.14 + 10.15 + 10.16** (SGK – tr99).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tự phân công nhóm trưởng, hợp tác thảo luận đưa ra ý kiến.

- GV điều hành, quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Câu hỏi trả lời nhanh: HS trả lời nhanh, giải thích, các HS chú ý lắng nghe sửa lỗi sai.

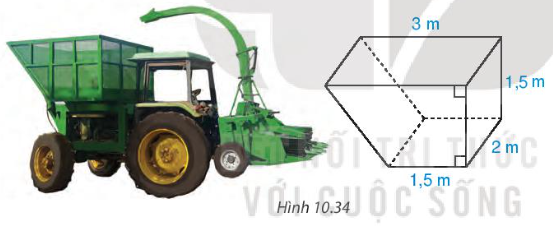
- Bài tập: đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, đưa ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải.

**Đáp án:**

**Bài 10.14**



Diện tích mặt đáy của hình lăng trụ đứng là :

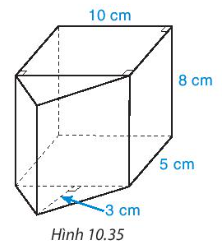
(3  + 1,5).1,5 = 3,375 (m2)

Thể tích của hình lăng trụ đứng là :

3,375.2 = 6,75 (m3)

Vậy dung tích của thùng sẽ là 6,75 (m3)

**Bài 10.15**



Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là :

= 120 (cm3)

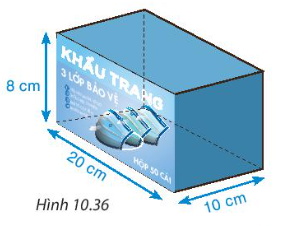
Thể tích của hình lăng trụ đứng tứ giác là :

 10. 5. 8 = 400 (cm3)

Thể tích của hình ghép là :

120 + 400 = 520 (cm3)

**Bài 10.16**



a) Thể tích của hộp là :

 20. 10. 8 = 1600 (cm3)

b) Diện tích bìa cứng dùng để làm hộp chính là diện tích xung quanh và diện tích của hai đáy hộp.

Diện tích xung quanh hộp là :

 2.( 20 + 10 ).8 + 2. 20.10 = 880 (cm3)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài.
* Hoàn thành các bài tập trong SBT
* Chuẩn bị bài “**Luyện tập**”

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI: LUYỆN TẬP TRANG 100 (2 TIẾT )

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Củng cố và rèn luyện các kĩ năng:

- Gọi tên các đỉnh, cạnh, mặt bê, mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác để giải một số bài toán thực tế.

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

- Rèn luyện kĩ năng vận dụng các định lí giải quyết các bài toán cụ thể

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, các slide tóm tắt kiến thức về các đặc điểm của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác; công thức tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại các kiến thức đã học về các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác và công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Tạo động cơ, hứng thú vào bài mới.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được các câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

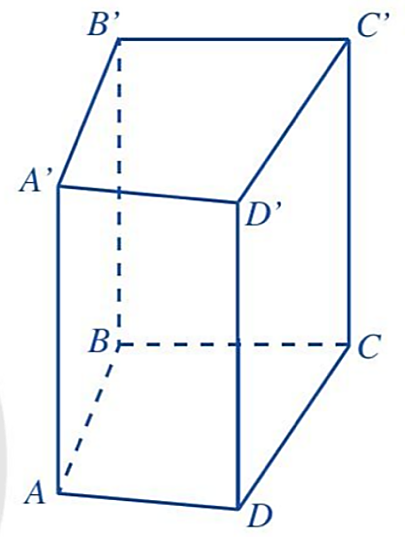
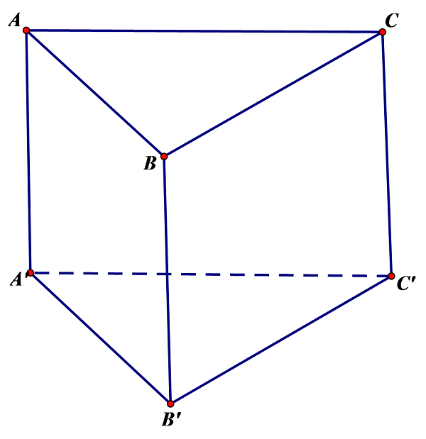
- GV phát phiếu bài tập và tổ chức cho HS hoàn thành bài cá nhân trong 3 phút.

**PHIẾU BÀI TẬP.**

Họ và tên:

Lớp:

***? Quan sát hình và hoàn thành các bài tập sau:***



**Bài 1.** Tìm số thích hợp điền vào ô trống trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình lăng trụ đứng tam giác** | **Hình lăng trụ đứng tứ giác** |
| **Số mặt** |  |  |
| **Số đỉnh** |  |  |
| **Số cạnh** |  |  |
| **Số mặt đáy** |  |  |
| **Số mặt bên** |  |  |

**Bài 2.** Chọn chữ Đ (đúng), S (Sai) thích hợp cho ô trống trong bảng sau:

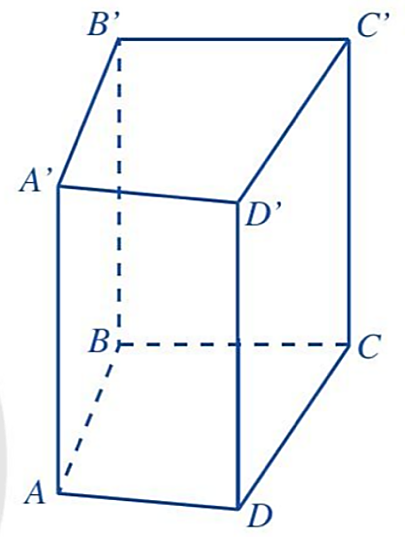
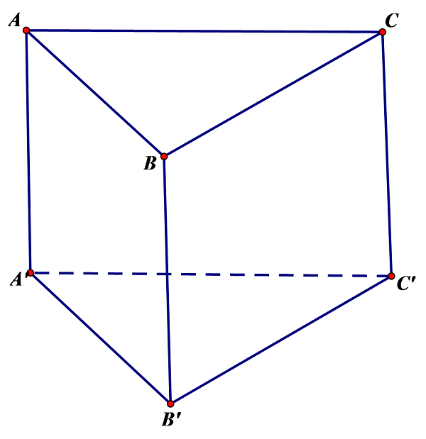
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình lăng trụ đứng tam giác** | **Hình lăng trụ đứng tứ giác** |
| **Các mặt đáy song song với nhau** |  |  |
| **Các mặt đáy là tam giác** |  |  |
| **Các mặt đáy là tứ giác** |  |  |
| **Các mặt bên là hình chữ nhật** |  |  |

**Bài 3.** Em hãy nêu công thức tính diện tích xung quanh và công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng?

GV hỏi thêm: “*Muốn tính diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng, ta làm thế nào*?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức cũ, thực hiện trả lời hoàn thành câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.



**Bài 1.** Tìm số thích hợp điền vào ô trống trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình lăng trụ đứng tam giác** | **Hình lăng trụ đứng tứ giác** |
| **Số mặt** | 5 | 6 |
| **Số đỉnh** | 6 | 8 |
| **Số cạnh** | 9 | 12 |
| **Số mặt đáy** | 2 | 2 |
| **Số mặt bên** | 3 | 4 |

**Bài 2.** Chọn chữ Đ (đúng), S (Sai) thích hợp cho ô trống trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình lăng trụ đứng tam giác** | **Hình lăng trụ đứng tứ giác** |
| **Các mặt đáy song song với nhau** | Đ | Đ |
| **Các mặt đáy là tam giác** | Đ | S |
| **Các mặt đáy là tứ giác** | S | Đ |
| **Các mặt bên là hình chữ nhật** | Đ | Đ |
| **Thể tích bằng diện tích đáy nhân với độ dài cạnh bên** | Đ | Đ |
| **Diện tích xung quanh bằng chu vi đáy nhân với độ dài cạnh bên.** | Đ | Đ |

**Bài 3.**

Công thức tích diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, tứ giác là:

**Sxq = C.h**

Công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, tứ giác là:

**V = Sđ . h**

Công thức tính diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng tam giác, tứ giác là:

**= + S2đáy**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức, dẫn dắt HS vào bài.

**Bài: Luyện tập chung.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động: Phân tích các ví dụ (Ví dụ 1, Ví dụ 2, Ví dụ 3)**

**a) Mục tiêu:**

- HS ôn lại các kiến thức đã học về các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác

- HS nhớ lại các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**b) Nội dung:**

HS đọc hiểu SGK để tìm hiểu nội dung và hoàn thành các yêu cầu của GV để giải *Ví dụ 1* + *Ví dụ 2* + *Ví dụ 3*.

**c) Sản phẩm:** HS biết cách giải và trình các dạng toán áp dụng các kiến thức đã học, hoàn thành các ví dụ: **Ví dụ 1**, **Ví dụ 2**, **Ví dụ 3.**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu các dạng toán cần nắm được:  *Dạng 1: Xác định các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.*  *Dạng 2: Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.*  *Dạng 3: Tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.*  - GV yêu cầu HS đọc *Ví dụ 1*(SGK) và xác định các đỉnh, cạnh, mặt bên, mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác.    - GV yêu cầu HS quan sát hình, đọc tìm hiểu bài toán và trình bày lại *Ví dụ 2* (SGK)    + GV yêu cầu HS nêu lại công thức tính thể tích và trình bày cách tính thể tích của khối gỗ.  1 HS trình bày, các HS khác trình bày vào vở.  *-* GV yêu cầu HS quan sát hình, đọc hiểu và trình bày *Ví dụ 3.*    + GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2-4, sau đó đại diện một bạn trình bày ý kiến.  + GV đặt câu hỏi: *Người ta phủ vải bạt những mặt nào của chiếc lều?*  *Tính diện tích vải bạt cần phải có để dựng lều là tính gì?*  *Chúng ta sử dụng các công thức nào để tính?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS chú ý nghe, đọc bài, suy nghĩ câu trả lời, thảo luận với các bạn, hoàn thành vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS xung phong trả lời câu hỏi, trình bày bài tập.  - Các HS chú ý lắng nghe.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về câu trả lời của HS, chốt lại các dạng bài và phương pháp giải cần nhớ. | **\* Các dạng toán:**  *Dạng 1: Xác định các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.*  *Dạng 2: Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.*  *Dạng 3: Tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.*  **Ví dụ 1 (SGK – tr100)**  **Ví dụ 2 (SGK – tr100)**  **Ví dụ 3 (SGK – tr100)** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức

- Nhận biết và gọi tên các đỉnh, cạnh, mặt bên, mặt đáy của hình lăng trụ đứng.

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức về hình lăng trụ đứng đã học tích cực trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập vào vở.

**c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được các bài tập về các dạng bài GV nêu ở trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS luyện tập, củng cố nhanh lại kiến thức thông qua trò chơi trắc nghiệm:

**Câu 1.** [Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là:](https://vietjack.online/cau-hoi/905162/cac-mat-ben-cua-hinh-lang-tru-dung-tam-giac-la)

A. Các hình bình hành;

B. Các hình thoi;

C. Các hình chữ nhật;

D. Các hình tam giác.

**Câu 2.** [Các cạnh bên của hình lăng trụ đứng tam giác có tính chất nào sau đây?](https://vietjack.online/cau-hoi/905163/cac-canh-ben-cua-hinh-lang-tru-dung-tam-giac-co-tinh-chat-nao-sau-day)

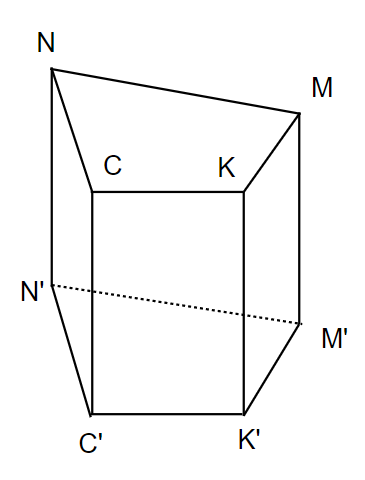
A. Song song;

B. Bằng nhau;

C. Vuông góc với nhau;

D. Cả A và B.

**Câu 3.** [Chọn câu đúng. Cho hình lăng trụ đứng tứ giác NCKM.N’C’K’M’ sau:](https://vietjack.online/cau-hoi/905166/chon-cau-dung-cho-hinh-lang-tru-dung-tu-giac-nckm-nckm-sau)

[[](https://vietjack.online/cau-hoi/905166/chon-cau-dung-cho-hinh-lang-tru-dung-tu-giac-nckm-nckm-sau)](https://vietjack.online/cau-hoi/905166/chon-cau-dung-cho-hinh-lang-tru-dung-tu-giac-nckm-nckm-sau)

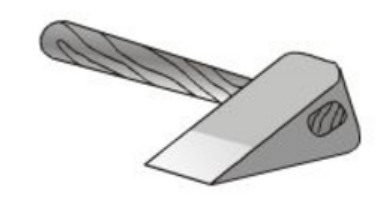
A. Các mặt đáy là hình chữ nhật;

B. Các mặt bên là hình chữ nhật;

C. Các cạnh bên NN’, CC’, KK’, MM’ không song song với nhau;

D. Các mặt CKK’C’ và NCKM là hình chữ nhật.

**Câu 4.**  [Lưỡi rìu trong hình dưới đây có hình gì?](https://vietjack.online/cau-hoi/905167/luoi-riu-trong-hinh-duoi-day-co-hinh-gi)

[[](https://vietjack.online/cau-hoi/905167/luoi-riu-trong-hinh-duoi-day-co-hinh-gi)](https://vietjack.online/cau-hoi/905167/luoi-riu-trong-hinh-duoi-day-co-hinh-gi)

A. Hình tam giác;

B. Hình lăng trụ tứ giác;

C. Hình lăng trụ tam giác;

D. Hình hộp chữ nhật.

- GV áp dụng tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi kể tên cho nhau nghe các đỉnh, cạnh, mặt bên, mặt đáy của hình lăng trụ đứng tứ giác bài **BT10.17**(SGK – tr101), sau đó tự trình bày lại vào vở**.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV hướng dẫn, quan sát, hỗ trợ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Với các bài tập GV mời một bạn trong nhóm trình bày, giải thích cách làm.

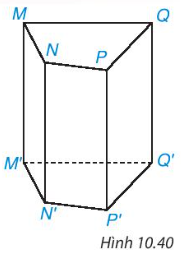
- Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng.

**Kết quả:**

***Đáp án trắc nghiệm:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| C | D | B | C |

**Bài 10.17:**



+ 8 đỉnh : M, N, P, Q, M', N', P', Q'.

+ 12 cạnh : MN, MQ, NP, PQ, M'N', M'Q', N'P', P'Q', MM', NN', PP', QQ'.

+ 4 mặt bên : MNN'M', NPP'N', PQQ'P', MQQ'M'.

+ 2 mặt đáy : MNPQ, M'NP'Q'.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải để HS thực hiện bài tập và mô tả, tính toán chính xác nhất.

- GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của các nhóm học sinh, ghi nhận và tuyên dương.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác để giải một số bài toán thực tế.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học, nhớ lại các công thức tính diện tích xunh quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương để thực hiện bài tập vận dụng.

**c) Sản phẩm:** HS giải được bài tập áp dụng các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác để giải các bài tập GV yêu cầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành bài tập **Bài 10.18 + 10.19** (SGK – tr101).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

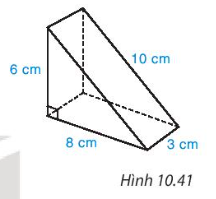
- HS hợp tác thảo luận đưa ra ý tưởng và cách giải, sau đó tự trình bày vở cá nhân.

- GV giảng, phân tích điều hành, quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Bài tập: đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, đưa ý kiến

**Bài 10.18:**



a) Thể tích của cái bánh là thể tích của hình lăng trụ đáy là tam giác vuông có hai cạnh góc vuông bằng 6cm và 8 cm.

Thể tích hình lăng trụ là:

. 6. 8. 3= 72 (cm3)

b) Diện tích vật liệu cần dùng là diện tích xung quanh hình lăng trụ và diện tích hai mặt đáy.

Áp dụng định lí Pytago, tính được cạnh còn lại của tam giác ở đáy là:

.

Diện tích vật liệu cần dùng là:

3. (6 + 8 + 10) +2. . 6. 8 = 120 (cm2).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải khi thực hiện tính toán diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài sau “**Ôn tập chương X”.**

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG X (1 TIẾT)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Củng cố, nhắc lại về:

- Mô tả các đặc điểm về yếu tố: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- Mô tả và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

***-*** Hệ thống được các nội dung đã học trong chương và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức, kĩ năng đã học trong chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,thước thẳng có chia khoảng.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, sơ đồ tóm tắt kiến thức bài học của chương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ của HS về kiến thức chương X.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

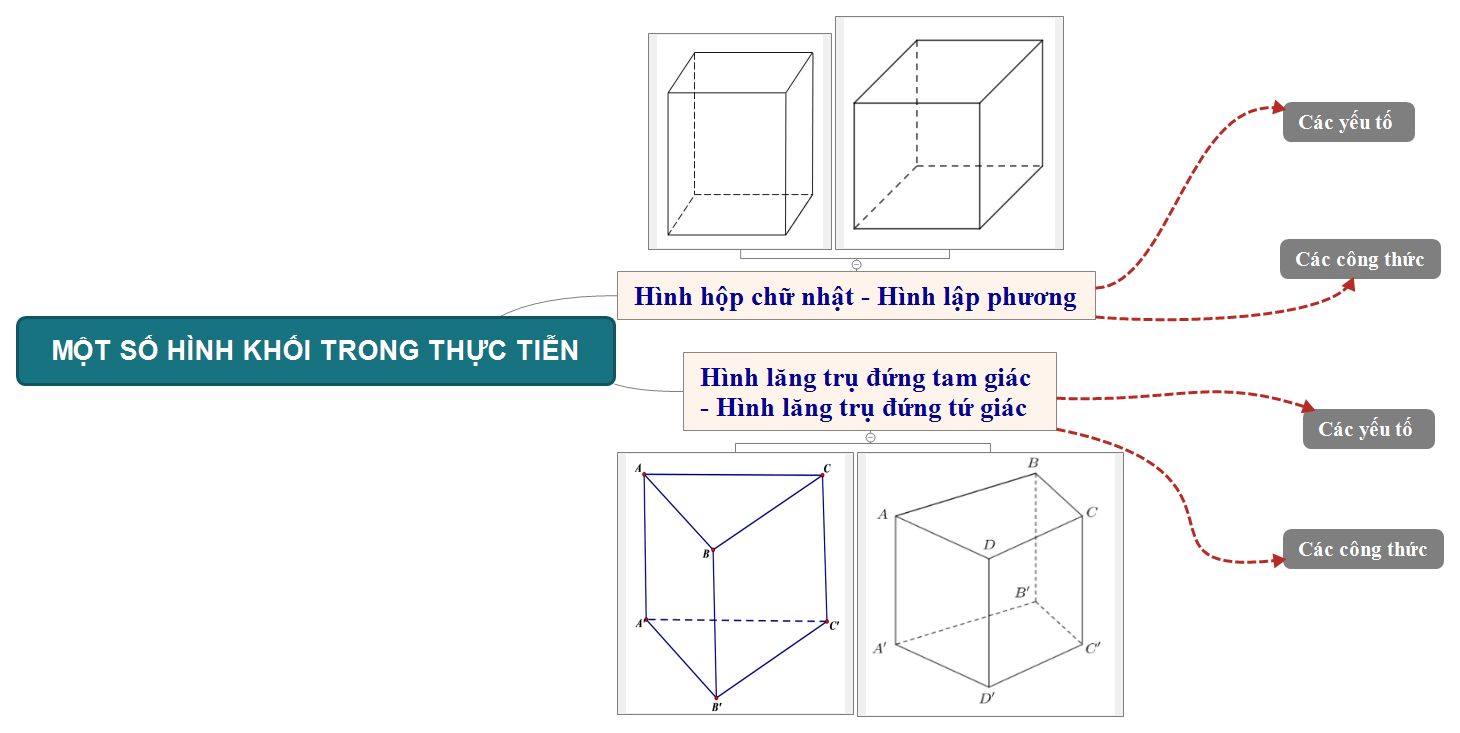
- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn hệ thống lại kiến thức đã học của chương và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy và yêu cầu các nhóm trình bày rõ các nội dung chính của chương.

+ Nhóm 1 + Nhóm 3: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT – HÌNH LẬP PHƯƠNG

* Hình hộp chữ nhật: Các đặc điểm; Diện tích xung quanh; Thể tích
* Hình lập phương: Các đặc điểm; Diện tích xung quanh; Thể tích

+ Nhóm 2 + Nhóm 4: HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TAM GIÁC - HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TỨ GIÁC:

* Hình lăng trụ đứng tam giác: Các đặc điểm; Diện tích xung quanh; Thể tích
* Hình lăng trụ đứng tứ giác: Các đặc điểm; Diện tích xung quanh; Thể tích

**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố lại toàn bộ kiến thức trong chương thông qua giải một số bài tập :

+ Mô tả các đặc điểm về yếu tố: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương; hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.

+ Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương của hình lập phương, hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác giải quyết một số bài tập.

**b) Nội dung:**

- HS áp dụng kiến thức, luyện tập thực hiện hoàn thành lần lượt các bài tập theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:**

- Hoàn thành đúng các bài tập được giao

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***10.20 + 10.21*** *(SGK – tr102) vào vở và lên bảng trình bày.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành các yêu cầu.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV tự hoàn thành các bài tập vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện 2 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 10.20:**

a) Thể tích của hộp là :

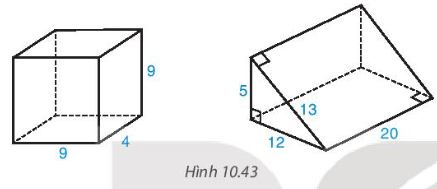
20. 14. 15 = 4200 (cm3)

b) Diện tích bìa để làm hộp tương ứng với diện tích xung quanh và diện tích 2 mặt đáy của hình hộp chữ nhật

Diện tích bìa dùng làm hộp là:

2. ( 14 + 20 ). 15 + 2. 20. 14  =  1580 (cm2)

**Bài 10.21**



Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật là :

2. (4 + 9). 9 =  234

Diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật là:

234 + 2 .  9 . 4 = 306

Thể tích hình hộp chữ nhật là:

9 . 4 . 9 = 324

Diện tích xung quanh hình lăng trụ là :

20 . ( 5 + 12 + 13 ) = 600

Diện tích toàn phần hình lăng trụ là:

600 + 2 . . 5 . 12 = 660

Thể tích hình hộp chữ nhật là:

20 x  x 5 x12  = 600

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra hoàn thành bài nhanh và đúng.

- GV nhận xét, đánh giá quá trình luyện tập của HS, lưu ý lỗi HS hay mắc phải khi thực hiện tính toán, vận dụng để HS thực hiện bài tập và tính toán chính xác nhất.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương của hình lập phương, hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác giải quyết một số bài toán thực tế.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

**b) Nội dung:** HS vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học trong chương thực hiện các bài tập GV giao.

**c) Sản phẩm:** HS thực hiện hoàn thành đúng kết quả các bài tập được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS tự hoàn thành **BT 10.22 + 10.23 + 10.24 + 10.25** (SGK-tr102) vào vở cá nhân, sau đó kiểm tra chéo đáp án.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các thành viên trong nhóm trao đổi hoàn thành các bài tập được giao vào vở cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động nhóm: Các thành viên tích cực tham gia thảo luận hoàn thành yêu cầu; đại diện các nhóm trình bày kết quả của nhóm.

- Hoạt động cá nhân: Mỗi BT, GV mời 1 HS lên bảng trình bày.

**Kết quả:**

**Bài 10.22**



a)

Diện tích xung quanh khối gạch hình lập phương là :

4 . 202= 1600 (cm2)

Diện tích mặt đáy của khối gạch hình lập phương là :

20 . 20 = 400 (cm2)

Diện tích toàn phần của khối gạch hình lập phương là:

1600 + 2 . 400 = 2400 (cm2)

b) Theo hình vẽ ta thấy chiều rộng của viên gạch hình hộp chữ nhật bằng  cạnh hình lập phương

Chiều rộng của hình hộp chữ nhật là:

20 : 2 =10 (cm)

Chiều cao của viên gạch bằng  cạnh hình lập phương

Chiều cao của viên gạch là:

20 : 4=5 (cm)

Vậy mỗi viên gạch có kích thước là: chiều dài 20cm, chiều rộng 10cm, chiều cao 5cm.

**Bài 10.23:**

Diện tích xung quanh căn phòng đó là :

2 . ( 5 + 4 ). 3 = 54 (m2)

Diện tích cần lăn sơn là :

54 + 5 . 4 – 5,8 = 68,2 (m2)

**Bài 10.24:**

a)

Diện tích xung quanh bể cá là:

2 . (80 + 50) . 45 = 11700 (cm2)

Diện tích kính cần dùng để làm bể cá là diện tích xung quanh và diện tích một mặt đáy của hình hộp chữ nhật, nên diện tích kính cần dùng là:

11700 + ( 80 . 50) = 15700 (cm2)

b)

Chiều cao tăng thêm của mực nước là :

37,5 - 35 = 2,5 (cm)

Thể tích lượng nước dâng lên sau khi ném hòn đá vào sẽ bằng với thể tích của hòn đá, nên thể tích của hòn đá là :

4000 2,5 = 10 000 ( cm3 )

**Bài 10.25:**

Thể tích của một viên đá là :

23= 8 ( cm3 )

Tổng thể tích của 5 viên đá là :

8 . 5 = 40 ( cm3 )

Thể tích của 5 viên đá sẽ bằng thể tích lượng nước dâng lên sau khi cho đá vào

=> Lượng nước tràn ra sẽ là 40 cm3 nước.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động nhóm của HS và đánh mức độ hiểu và tiếp nhận kiến thức của HS.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài mới chương sau “**HĐTN: Đại lượng tỉ lệ trong đời sống**”.

Ngày soạn:…/…./…

Ngày dạy: …/…/…

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM:

## ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ TRONG ĐỜI SỐNG

**( 2 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Cách chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng.

- Tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng.

- Tính lãi suất tiết kiệm và làm quen và làm quen với quy tắc 72 trong tài chính.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

- Nhận biết được và vận dụng được công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận hoặc tỉ lệ nghịch để giải quyết những vấn đề thường gặp trong cuộc sống liên quan đến chuyển đổi đơn vị đo, tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng, tính lãi suất tiết kiệm vào cuối kì,..; biết vận dụng quy tắc 72 trong tài chính.

- Rèn luyện, củng cố kĩ năng làm tròn số thập phân đến hàng cho trước.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT, tìm hiểu về hệ đo lường Mỹ, lãi suất tiết kiệm thời điểm hiện tại..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, máy tính cầm tay, ôn lại quy tắc làm tròn số thập phân.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** HS ôn tập và củng cố lại kiến thức về làm tròn số thập phân; giải toán tỉ số phần trăm và đại lượng tỉ lệ thuận – đại lượng tỉ lệ nghịch.

**b) Nội dung:** HS thực hiện trả lời các câu hỏi ôn tập kiến thức cũ

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được câu hỏi trắc nghiệm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS tham gia trả lời câu hỏi ôn lại kiến thức liên quan đến làm tròn số, giải toán tỉ số phần trăm và đại lượng tỉ lệ thuận – đại lượng tỉ lệ nghịch:

**Câu 1.** Làm tròn số 60,996 đến hàng đơn vị ta được:

A. 60 B. 61 C. 60,9 D. 61,9

**Câu 2**. Thực hiện phép tính (4,375 + 5,2) - (6,452 - 3,55) rồi làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ 2, ta được kết quả là:

A. 6,674 B. 6,68 C. 6,63 D. 6,67

**Câu 3.** Có 76520 người ở một quận. Hỏi quận đó có khoảng bao nhiêu nghìn người?

A. 76000 người B. 77000 người

C. 76500 người D. 80000 người

**Câu 4.** Một tổ sản xuất được 900 sản phẩm. Bác Minh làm được 16% tổng số sản phẩm của tổ đó. Hỏi bác Minh làm được bao nhiêu sản phẩm?

A. 142 sản phẩm B. 144 sản phẩm

C. 146 sản phẩm D. 148 sản phẩm

**Câu 5.** Mức lương của công nhân tăng 20%, giá mua hàng giảm 20%. Hỏi với mức lương này thì lượng hàng mới sẽ mua được nhiều hơn lương hàng cũ bao nhiêu phần trăm?

A. 120%                    B. 80%                      C. 150%                    D.50%

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức và phát biểu .

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời các câu hỏi GV nêu ra

- GV mời một vài HS trình bày:

***Đáp án trắc nghiệm:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** |
| B | D | B | B | D |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt, kết nối HS vào bài thực hành.

**Bài: Đại lượng tỉ lệ trong đời sống**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuyển đổi đơn vị đo lường**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết một số đơn vị đo chiều dài thông dụng trong Hệ đo lường Mỹ và quan hệ của chúng với các đơn vị đo chiều dài quen thuộc trong hệ SI.

- Rèn luyện cách chuyển đổi đơn vị đo chiều dài ft, in sang đơn vị quen thuộc là cm, m thông qua tình huống cụ thể.

- HS nhận biết một đơn vị đo khối lượng thông dụng trong Hệ đo lường Mỹ là pound và quan hệ của nó với đơn vị đo khối lượng quen thuộc là kilogam.

- Rèn luyện cách chuyển đổi đơn vị đo khối lượng pound sang đơn vị quen thuộc là kg, tấn thông qua một tình huống cụ thể.

**b) Nội dung:** HS thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV để tìm hiểu nội dung kiến thức về chuyển đổi đơn vị đo lường.

**c) Sản phẩm học tập:** HS chuyển đổi được đơn vị đo chiều dài ft, in sang đơn vị cm, m; chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng pound sang kg, tấn, trả lời được các câu hỏi **HĐ1**, **HĐ2.**

**d) Chuyển giao nhiệm vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu thông tin nội dung “*Chuyển đổi đơn vị đo chiều dài*” dưới sự hướng dẫn của GV.  + GV lưu ý cho HS nhớ tên gọi và kí hiệu của các đơn vị đo lường, cũng như mối quan hệ giữa chúng.  + GV lưu ý và cho HS ghi vở:  1 in = 2,54 cm;  1ft = 12 in;  1 yd = 3 ft;  1 mi = 1760 yd;  1 nmi = 1852 m.  - GV cho HS thảo luận và làm việc theo nhóm áp dụng kiến thức chuyển đổi đơn vị đo chiều dài hoàn thành **HĐ1** -Tính chiều cao của tượng Nữ thần tự do.  + GV đặt câu hỏi và giới thiệu khái quát về tác phẩm tượng Nữ thần tự do: *Công trình nghệ thuật được làm bằng đồng đặt ở đảo Liberty thuộc thành phố NewYork, là quà tặng của Pháp dành cho Hoa Kỳ để thắt chặt mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước…*  + GV yêu cầu HS nêu phương pháp làm  GV gợi ý HS phương pháp: trước hết đưa kết quả về in, sau đó đưa về cm và viết/ làm tròn kết quả theo yêu cầu.  - GV tổ chức cho HS đọc hiểu thông tin nội dung “*Chuyển đổi đơn vị đo khối lượng*”.  + GV giới thiệu cho HS đơn vị đo khối lượng **Pound (cân Anh)** – đơn vị đo truyền thống của Anh, Mỹ;  + GV lưu ý và cho HS ghi vở:   * Kí hiệu của pound: Ib; * Mối quan hệ giữa pound và đơn vị đo khối lượng Việt Nam:   **1 Ib = 0,45359237 kg = 16 ounce**  - GV cho HS thảo luận và làm việc theo nhóm áp dụng kiến thức chuyển đổi đơn vị đo khối lượng hoàn thành **HĐ2** -Tính khối lượng liên quan đến tượng Nữ thần tự do.  + GV yêu cầu HS nêu phương pháp làm  GV lưu ý cho HS chìa khoá là đổi từ đơn vị Ib sang kg, sau đó từ kg ta có thể đổi sang các đơn vị quen thuộc khác như tấn, gam,…  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý nghe giảng, thực hiện lần lượt các yếu cầu của GV hoàn thành bài ***HĐ1****,* ***HĐ2.***  - GV: giảng, dẫn dắt, gợi ý và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện một vài HS trình bày phần trả lời. Các bạn khác chú ý theo dõi, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động của các nhóm. GV tổng quát, yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở và gọi một vài học sinh nêu lại cách chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và một số đơn vị đo khối lượng trong Hệ đo lường Mỹ. | **1. Chuyển đổi đơn vị đo lường**   * **Chuyển đổi đơn vị đo chiều dài:**   - **Inch** viết tắt là in, là đơn vị đo chiều dài phổ biến ở Mỹ, Anh và một số nước khác:  1inch = 2,54 cm  - Người ta còn dùng các đơn vị đo độ dài khác như **foot**, **yard**, **mile**, **hải lí**:  1 foot (ft) = 12 in)  1 yard (yd) = 3ft  1 mile (mi) = 1760 yd  1 hải lí (nmi/NM) = 1852 m  **HĐ1**    Chiều cao của tượng Nữ thần Tự do theo đơn vị mét (làm tròn đến hàng đơn vị) là:  *151 ft 1 in = 151.12 + 1 = 1813 in = 4605,02 (cm) = 46,0502 (m) 46 (m)*   * **Chuyển đổi đơn vị đo khối lượng:**   **Pound** hay **cân Anh**, viết tắt là Ib, là một đơn vị đo khối lượng truyền thống của Anh, Mỹ và một số quốc gia khác.  1 pound (Ib)= 0,45359237 kg  = 16 ounce  **HĐ2:**  + Khối lượng đồng dùng trong bức tượng theo đơn vị tấn (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai) là:  *60 000 Ib = 60 000. 0,45359237 = 27 215, 5422 (kg)*  *= 27,2155422 (tấn)*  *27,22 (tấn)*  + Khối lượng thép dùng trong bức tượng theo đơn vị tấn (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai) là:  *250 000 Ib = 250 000. 0,45359237 = 113 398, 0925 (kg)*  *= 113,3980925 (tấn)*  *113,40 (tấn)* |

**Hoạt động 2: Đại lượng tỉ lệ trong tài chính**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết cách tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng thông qua một tình huống cụ thể thường gặp.

- HS biết Quy tắc 72 trong tài chính và ứng dụng của nó.

**b) Nội dung:** HS thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV để tìm hiểu nội dung kiến thức về đại lượng tỉ lệ trong tài chính.

**c) Sản phẩm học tập:** HS tính toán được việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm, ứng dụng được Quy tắc 72 trong tài chính, trả lời được các câu hỏi **HĐ3**, **HĐ4.**

**d) Chuyển giao nhiệm vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận và làm việc theo nhóm trả lời câu hỏi, hoàn thành **HĐ3** - *Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng.*  + GV đặt câu hỏi gợi ý: *Giảm giá 15% nghĩa là giá mới sẽ bằng bao nhiêu % giá cũ?*  GV mời đại diện 2 HS lên bảng trình bày, GV chữa bài và lưu ý lại cho HS lỗi sai.  - GV tổ chức cho HS thảo luận và làm việc theo nhóm 4 thực hiện hoàn thành **HĐ4.**  + GV giới thiệu cho HS Quy tắc 72:   * Là quy tắc tính nhẩm dùng để ước lượng tính khoảng thời gian cần thiết để số vốn đầu tư ban đầu có thể tăng lên gấp đôi dựa vào mức lãi suất hằng năm cố định. * Công thức:   Trong đó:  + t là *thời gian tính bằng năm*.  + r% *mỗi năm là lãi suất kép* (cứ sau mỗi năm số tiền lãi của năm đó lại được cộng vào số tiền gốc cũ để được số tiền gốc mới, dùng để tính lãi cho năm tiếp theo).   * GV lưu ý cho HS bản chất ở đây lãi suất kép r và thời gian t để khoản đầu tư tăng gấp đôi là hai đại lượng tỉ lệ nghịch với hệ số tỉ lệ 72.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý nghe giảng, thực hiện lần lượt các yếu cầu của GV hoàn thành bài ***HĐ3****,* ***HĐ4.***  - GV: giảng, dẫn dắt, gợi ý và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện một vài HS trình bày phần trả lời. Các bạn khác chú ý theo dõi, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động của các nhóm. GV tổng kết lại nội dung của tiết học, yêu cầu HS ghi vở đầy đủ và ghi nhớ. | **1. Chuyển đổi đơn vị đo lường**  **HĐ3: Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng**    a) Giảm giá 15% nghĩa là giá mới sẽ bằng 85% giá cũ.  Công thức tính giá mới của một mặt hàng theo giá cũ là:  Giá mới = 0,85. Giá cũ  b) Giá của chiếc áo phông sau khi giảm là:  0,85 . 300 000 = 255 000 (đồng)  **HĐ4: Quy tắc 72 trong tài chính**    - Là quy tắc tính nhẩm dùng để ước lượng tính khoảng thời gian cần thiết để số vốn đầu tư ban đầu có thể tăng lên gấp đôi dựa vào mức lãi suất hằng năm cố định.  Trong đó:  + t là thời gian tính bằng năm.  + r% mỗi năm là lãi suất kép (cứ sau mỗi năm số tiền lãi của năm đó lại được cộng vào số tiền gốc cũ để được số tiền gốc mới, dùng để tính lãi cho năm tiếp theo). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS củng cố và khắc sâu cách chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng trong một tình huống cụ thể.

- HS rèn luyện thực hành tính lãi suất tiết kiệm và củng cố việc áp dụng Quy tắc 72 trong tài chính.

**b) Nội dung:** HS thực hiện hoàn thành các bài tập vận dụng theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành được các bài tập vận dụng, khắc sâu kiến thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS thực hiện theo nhóm hoàn thành các bài tập **Vận dụng 1, Vận dụng 2** vào PBT.

+ GV lưu ý cho HS ở **Vận dụng 2**: Vì thời hạn gửi tiết kiệm (kì hạn 12 tháng) là số tròn năm, nên nếu số năm tính theo Quy tắc 72 mà ra một số thập phân thì ta cần chọn đáp số là số nguyên gần nhất mà lớn hơn số thập phân đó (chứ không phải làm tròn số thập phân đó).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện vận dụng kiến thức trong bài thực hiện hoạt động theo yêu cầu và chỉ dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động nhóm: Các thành viên tham gia thảo luận và hoàn thành bài tập vào phiếu bài tập nhóm, GV mời đại diện các nhóm trình bày.

***Kết quả:***

**Vận dụng 1:**



Chiều dài máy bay theo đơn vị mét (làm tròn đến hàng đơn vị) là:

*206 ft 1 in = 206.12 + 1 = 2 473 in*

*= 2 473 . 2,54 = 6 281,42 cm 63 m.*

Sải cánh của máy bay theo đơn vị mét (làm tròn đến hàng đơn vị) là:

*197 ft 3 in = 197.12 + 3 = 2 367 in*

*= 2 367 . 2,54 = 6 012,18 cm 60 m.*

Chiều cao của máy bay theo đơn vị mét (làm tròn đến hàng đơn vị) là:

*55 ft 10 in = 55.12 + 10 = 670 in*

*= 670 . 2,54 = 1 701,8 cm 17 m*.

Khối lượng rỗng của máy bay theo đơn vị kilogam (làm tròn đến hàng đơn vị) là:

*284 000 Ib = 284 000. 0,45359237*

*= 254 011,7272 kg 254 012 kg*

Tầm bay với cấu hình bình thường theo đv kilomet (làm tròn đến hàng đơn vị) là:

*7 635 nmi = 7 635 .1 852 = 14 140 020 m 14 140 km*

Độ cao bay vận hành theo đơn vị mét (làm tròn đến hàng đơn vị) là:

*43 000 ft = 43 000 .12 = 516 000 in*

*= 516 000 . 2,54 = 1 310 640 cm 13 106 m.*

**Vận dụng 2:**

a)

Công thức tính số tiền lãi sau một năm:

Số tiền lãi = 0,056 . Số tiền gốc

b)

Số tiền lãi bác Hà nhận được sau một năm là:

0,056 . 120 = 6,72 (triệu đồng)

Số tiền cả gốc lẫn lãi bác Hà nhận được sau một năm là:

120 + 6,72 = 126,72 (triệu đồng)

c)

Theo Quy tắc 72, số năm cần gửi tiết kiệm để số tiền của bác Hà tăng gấp đôi là:

(năm)

Vậy sau khi gửi tiết kiệm 13 năm thì số tiền của bác Hà tăng gấp đôi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- HS nhận xét, bổ sung; GV đánh giá kết quả thực hiện.

- GV nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động và kết quả của nhóm, chú ý cho HS các lỗi sai dễ mắc.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn và ghi nhớ lại các kiến thức đã học trong bài.

- Xem và chuẩn bị trước cho bài HĐTN sau: ***Vòng quay may mắn***

Ngày soạn:…/…./…

Ngày dạy: …/…/…

## VÒNG QUAY MAY MẮN

**( 1 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Giúp HS xác định được một biến cố có xảy ra hay không ứng với một kết quả có thể của trò chơi, thí nghiệm.

- So sánh được khả năng xảy ra hai biến cố bằng cảm nhận và kiểm chứng lại bằng kết quả thực nghiệm.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** giải quyết vấn đề toán học

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT,..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, một miếng bìa cứng hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau, có ghi tên các phần thưởng, được gắn vào trục quay có mũi tên ở tâm như Hình T.1.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** HS ôn tập và củng cố lại kiến thức

**b) Nội dung:** HS thực hiện trả lời các câu hỏi ôn tập kiến thức cũ

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS tham gia trả lời câu hỏi ôn lại kiến thức liên quan đến biến cố và tính xác suất của biến cố. *GV yêu cầu HS nhắc lại:*

*+ Khái niệm biến cố; khái niệm các loại biến cố chắc chắn, biến cố không thể, biến cố ngẫu nhiên.*

*+ Khoảng giá trị biểu thị khả năng xảy ra của xác suất của biến cố, kí hiệu xác suất của biến cố.*

*+ Công thức thức tính xác suất trong trò chơi gieo xúc xắc.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức và phát biểu .

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời các câu hỏi GV nêu ra

- GV mời một vài HS trình bày:

***\* Các sự kiện, hiện tượng xảy ra trong tự nhiên hay trong một phép thử nghiệm được gọi là một biến cố.***

***- Biến cố chắc chắn*** *là biến cố luôn xảy ra.*

***- Biến cố không thể*** *là biến cố không bao giờ xảy ra.*

***- Biến cố ngẫu nhiên*** *là biến cố không thể biết trước là nó có xảy ra hay không****.***

***\* Để đánh giá khả năng xảy ra của mỗi biến cố, ta dùng một con số có giá trị từ 0 đến 1, gọi là xác suất của biến cố. Biến cố có khả năng xảy ra cao hơn sẽ có xác suất lớn hơn.***

***- Biến cố không thể*** *có xác suất bằng 0.*

***- Biến cố chắc chắn*** *có xác suất bằng 1.*

***Xác suất của biến cố A được kí hiệu là P(A).***

***\* Khi gieo con xúc xắc 6 mặt cân đối thì xác suất xuất hiện của mỗi mặt đều bằng* .**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt, kết nối HS vào bài thực hành.

**Bài 3: Hoạt động thực hành và trải nghiệm**: **NHẢY THEO XÚC XẮC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS kết nối xác suất thực nghiệm với xác suất lí thuyết.

- HS thấy được ý nghĩa của xác suất trong thưc tế.

**b) Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận nhóm thực hiện trò chơi dưới sự điều hành của GV.

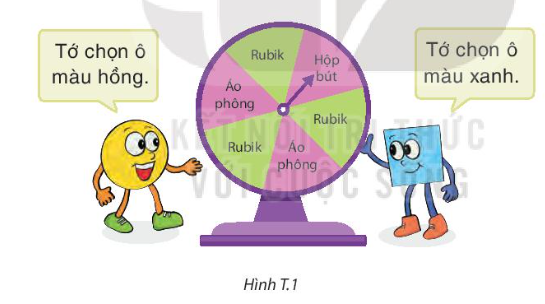
**c) Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành được trò chơi và các bảng báo cáo.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS thực hiện trò chơi và đặt câu hỏi như hướng dẫn trong SGK.

+ GV phổ biến luật chơi: Quay miếng bìa, nếu mũi tên chỉ vào ô màu xanh thì Vuông thắng cuộc, nếu mũi tên chỉ vào ô màu hồng thì Tròn thắng cuộc. Người thắng cuộc nhận được phần thưởng ghi ở trong ô mũi tên chỉ vào.



- GV hướng dẫn HS các bước thực hiện:

**Bước 1**. Em đọc luật chơi trên và thảo luận xem:

*+ Hai biến cố "Vuông thắng", "Tròn thắng" có đồng khả năng không?*

*+ Xác suất Vuông, Tròn nhận được phần thưởng nào là cao nhất (rubik, áo phông hay hộp bút)?*

**Bước 2.** Chia lớp thành từng cặp để chơi. Một bạn đóng vai Vuông, một bạn đóng vai Tròn. Mỗi cặp thực hiện chơi 10 lần. Mỗi lần chơi xác định xem bạn nào thắng, phần thưởng là gì và ghi kết quả theo mẫu Bảng T.1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lần chơi** | **Người thắng** | **Phần thưởng** |
| 1 | Vuông | Áo phông |
| …. | … | … |
| 10 | Tròn | Rubik |

**Bảng T.1**

**Bước 3:** Thống kê lại kết quả chơi của cả lớp theo mẫu Bảng T.2 và Bảng T.3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lần chơi** | **Vuông thắng** | **Tròn thắng** |
| Số lần | … | … |

Bảng T.2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần thưởng Vuông Tròn nhận được** | **Rubik** | **Áo phông** | **Hộp bút** |
| Số lần | … | … |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện hoạt động theo yêu cầu và chỉ dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động nhóm: Các thành viên tham gia thảo luận và hoàn thành báo cáo vào phiếu bài tập nhóm, GV mời đại diện các nhóm trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- HS nhận xét, bổ sung; GV đánh giá kết quả thực hiện.

- GV nhận xét, đánh giá chung quá trình thực hiện, quá trình tham gia trò chơi của các nhóm và kết quả thu được của từng nhóm.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn và ghi nhớ lại các kiến thức đã học trong chương.

- Xem trước và chuẩn bị tiết học HĐTN sau: **"Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em"**

Ngày soạn:…/…./…

Ngày dạy: …/…/…

## HỘP QUÀ VÀ CHÂN ĐẾ LỊCH ĐỂ BÀN CỦA EM

**( 1 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ứng dụng kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như mĩ thuật, thủ công.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán, giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT, nghiên cứu kĩ bài học, có hoạt động làm thử trước, chuẩn bị nguyên vật liệu để làm mẫu, chuẩn bị đồ dùng dạy học nhằm tái hiện kiến thức HS đã học

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), chuẩn bị nguyên vật liệu theo yêu cầu của từng hoạt động của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Ôn tập kiến thức về các yếu tố hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng

**b) Nội dung:** HS thực hiện trả lời các câu hỏi ôn lại bài cũ.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được các câu hỏi khởi động.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

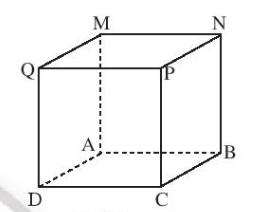
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi trắc nghiệm ôn lại kiến thức liên quan đến đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch.

*- GV chiếu Slide , tổ chức củng cố HS qua các câu hỏi khởi động:*

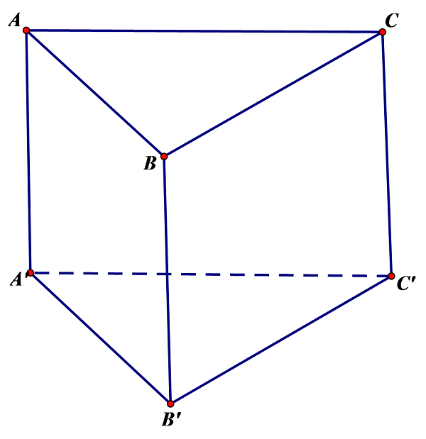
**Câu 1.** Em hãy nêu các yếu tố của hình hộp chữ nhật ABCD. A’B’C’D’



**Câu 2.** Em hãy nêu các yếu tố của hình lập phương ABCD.MNPQ



**Câu 3.** Em hãy nêu các yếu tố của hình lăng trụ tam giác ABC.A'B'C'



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức về các yếu tố hình lập phương, hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời các câu hỏi.

**Kết quả:**

**Câu 1.** Hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' có:



- 8 đỉnh : A, B, C, D,  A', B, C', D'.

- 12 cạnh : AB, AD, DC, BC, A'B', A'D', D'C', B'C', BB', CC', AA', DD'.

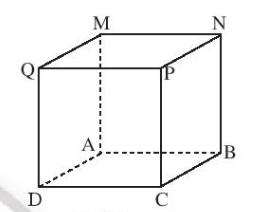
- 4 đường chéo :AC', A'C, BD', B'D.

- 6 mặt:

+ Các mặt bên của hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' là: ABB'A', ADD'A', BCC'B', CDD'C'.

+ Các mặt đáy của hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D' là : ABCD, A'B'C'D'.

**Câu 2. Hình lập phương ABCD.MNPQ có:**



+ 8 đỉnh : A, B, C, D, M, N, Q, P.

+ 12 cạnh : AB, AD, BC, CD, MN, MQ, QP, PN, AM, BN, CP, DQ.

+ 4 đường chéo: ND, QB, MC, PA.

+ 4 mặt bên : AMNB, MQDA, PQDC, NPCB.

+ 2 mặt đáy: ABCD, MNPQ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt, kết nối HS vào bài thực hành:

***Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em.***

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

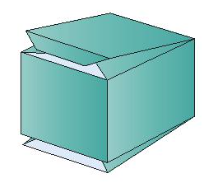
- Kết nối kiến thức, kĩ năng hình học trực quan với thủ công, mĩ thuật,...

- HS sử dụng những kiến thức, kĩ năng về hình hộp chữ nhật, hình lập phương để tạo thành chiếc hộp quà có thể sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau.

Từ hoạt động này, GV có thể giáo dục cho HS hướng tới nhiều giá trị có ý nghĩa khác.

**b) Nội dung:** HS thảo luận nhóm thực hiện yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:** Hoàn thành sản phẩm hộp đựng quà



**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp theo nhóm học tập từ 3 đến 4 học sinh (Mỗi nhóm chuẩn bị vật liệu, dụng cụ theo mẫu).

- GV cho HS đọc hiểu, nghiên cứu các bước thực hiện như Hướng dẫn (SGK-tr108).

*Bước 1. Vẽ rồi cắt hình khai triển của hình lập phương kèm theo mép của hộp.*

*Bước 2. Gấp theo các đường nét đứt.*

*Bước 3. Dán các mép của từng mặt vào với nhau (trừ nắp của hộp).*

*Bước 4. Gấp nắp dưới và nắp trên của hộp. Trang trí theo ý thích để được hộp đựng quà đẹp hơn.*

+ GV hướng dẫn HS vẽ, cắt hình khai triển (GV yêu cầu HS vẽ, cắt theo kích thước cụ thể).

- Nhóm trưởng phân công một số bạn trong nhóm các nhiệm vụ

- Nhóm trưởng và các bạn còn lại kiểm tra và ghi các thông tin kèm theo vào các cột theo yêu cầu trong bảng.

- Các nhóm báo cáo trước lớp.

- Giáo viên cho nhận xét và đánh giá theo các tiêu chí: đúng, chính xác, đẹp và sáng tạo.

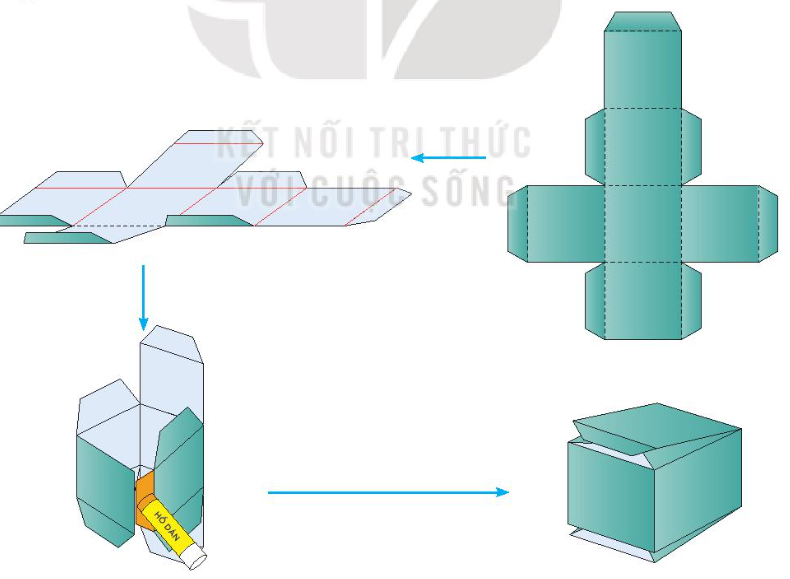
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện hoạt động theo yêu cầu và chỉ dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của GV.

**Kết quả:**



**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học).

- Làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kĩ năng để HS ghi nhận, thực hiện.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức, kĩ năng hình học trực quan với thủ công, mĩ thuật,...

- HS sử dụng những kiến thức, kĩ năng về hình lăng trụ đứng tam giác vào thiết kế chân để lịch để bàn.

Từ hoạt động này, GV có thể giáo dục cho HS hướng tới việc thiết lập thời gian biểu, kế hoạch cá nhân, một số ý tưởng về thủ công khác.

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày hoạt động theo yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành được sản phẩm chân đế lịch để bàn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

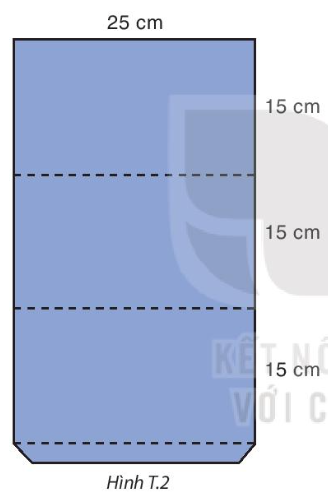
- GV chia lớp theo nhóm học tập từ 3 đến 4 học sinh (Mỗi nhóm chuẩn bị vật liệu, dụng cụ theo mẫu):

+ Vật liệu: Bìa màu cứng

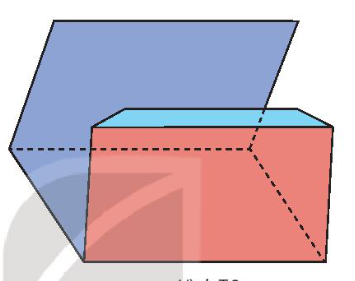
+ Dụng cụ: kéo, thước, keo dán

- GV cho HS đọc hiểu, nghiên cứu các bước thực hiện như Hướng dẫn (SGK-tr109).

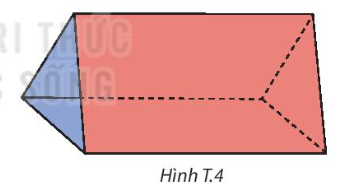
*Bước 1. Vẽ phác trên bùa cứng như Hình T.2. Sau đó, dùng kéo cắt theo đường viền.*



*Bước 2. Gấp phần bìa vừa ắt theo các đường nét đứt (H.T.3)*



*Bước 3. Dùng keo dán hai mép để được chân đế lịch để bàn (H.T.4)*



*Bước 4. Gấp nắp dưới và nắp trên của hộp. Trang trí theo ý thích để được hộp đựng quà đẹp hơn.*

- Các nhóm báo cáo trước lớp.

- Giáo viên cho nhận xét và đánh giá theo các tiêu chí: đúng, chính xác, đẹp và sáng tạo.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

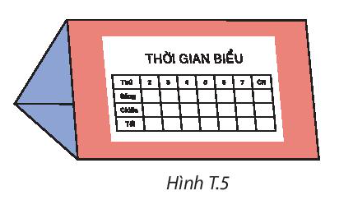
- HS thảo luận cặp đôi, thảo luận thực hiện hoàn thành bài tập được giao.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay trình bày kết quả thảo luận .

- Các HS khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung

**Kết quả:**



**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV tổng kết, nhận xét quá trình hoạt động và tiếp thu bài của HS; đánh giá chung quá trình thực hiện, kết quả thu được của từng nhóm. GV lưu ý HS lỗi sai mắc phải khi tính tiền giảm giá.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Tự làm và hoàn thành các sản phẩm và trang trí góc học tập.